TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS - ST

Ngày: 14 - 10 - 2020

V/v *"Tranh chấp chia di sản thừa kế; chi phí dịch vụ liên quan đến số tiền bồi thường về đất của hộ bà Phan Thị A và tranh chấp yêu cầu ưu tiên mua nền nhà tái định cư"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Sơn Hương

Ông Trần Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đức Trọn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Săm Át, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 355/2019/TLST - DS ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc *"Tranh chấp chia di sản thừa kế; chi phí dịch vụ liên quan đến số tiền bồi thường về đất của hộ bà Phan Thị A và tranh chấp yêu cầu ưu tiên mua nền nhà tái định cư"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* 1. Bà Lai Ngọc H, sinh năm 1971.

2. Ông Nguyễn Ngọc U, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ hiện nay: Khóm 1, thị trấn C, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Lai Ngọc H, ông Nguyễn Ngọc U: Ông Lâm Khắc S, sinh năm 1977, địa chỉ: Số 34, đường N, khóm 1, phường 7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Theo văn bản ủy quyền ngày 03/12/2019. (có mặt)

- *Bị đơn:* 1. Bà Lai Ngọc O, sinh năm 1966;

2. Ông Lai Ngọc T, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Khóm 6, thị trấn C, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

3. Ông Lai Bảo A, sinh năm 1974

Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn C, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

Chổ ở hiện nay: A6/12Q ấp 1, xã B, huyện I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Lai Ngọc O, ông Lai Bảo A, ông Lai Ngọc T: Ông Lê Văn Ư, sinh năm 1988, địa chỉ: Số E8/24, đường Nguyễn Hữu T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo văn bản ủy quyền ngày 14/5/2019. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lê Chí N, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ hiện nay: Khóm 4, thị trấn C, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

2. Ông Lê Chí U, sinh năm 1985 (có mặt)

3. Bà Diệp Thùy T, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Diệp Thùy T: Ông Lê Chí U, sinh năm 1985, địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện K, tỉnh Trà Vinh. Theo văn bản ủy quyền ngày 06/8/2020.

4. Anh Trương Văn N, sinh năm 1992

5. Chị Lê Bảo M, sinh năm 1987

6. Chị Tạ Thùy Nhã T, sinh năm 1990

7. Anh Tạ Hoàng H, sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: Khóm 6, thị trấn C, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của chị Lê Bảo M, anh Trương Văn N, chị Tạ Thùy Nhã T, anh Tạ Hoàng H : Ông Lê Văn Ư, sinh năm 1988, địa chỉ: Số E8/24, đường Nguyễn Hữu T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo văn bản ủy quyền ngày 06/7/2020 và ngày 18/8/2020.

8. Chị Nguyễn Cao Kỳ D, sinh năm 1994

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Cao Kỳ D: Ông Lâm Khắc S, sinh năm 1977, địa chỉ: Số 34, đường N, khóm 1, phường 7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Theo văn bản ủy quyền ngày 20/8/2020.

9. Anh Nguyễn Hùng P, sinh năm 2001. (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

10. Cháu Lê Thái H, sinh ngày 07/02/2012

11. Cháu Lê Thái P, sinh ngày 01/5/2018

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật của cháu H, cháu P: Ông Lê Chí U, sinh năm 1985 và bà Diệp Thùy T, sinh năm 1985 (là cha, mẹ ruột hai cháu). Bà Diệp Thùy T ủy quyền cho ông Lê Chí U tham gia tố tụng, theo văn bản ủy quyền ngày 06/8/2020.

12. Cháu Trương Vĩ K, sinh ngày 01/5/2013

13. Cháu Trương Thùy N, sinh ngày 03/11/2015

Người đại diện theo pháp luật của cháu K, cháu A: Anh Trương Văn N, sinh năm 1992 và chị Lê Bảo M, sinh năm 1987 (là cha, mẹ ruột hai cháu). Bà Lê Bảo M, ông Trương Văn N ủy quyền cho ông Lê Văn Ư, sinh năm 1988, địa chỉ: E8/24 Nguyễn Hữu T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia tố tụng. Theo văn bản ủy quyền ngày 07/7/2020.

14. Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Phong B – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

15. Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu B, Chức vụ: Phó trưởng phòng (chưa có Trưởng phòng)

16. Hội đồng hỗ trợ di dời nhà ở, đất ở huyện Cầu Kè. (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Thanh X – Chủ tịch Hội đồng hỗ trợ, di dời nhà ở, đất ở huyện Cầu Kè.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Lâm Khắc S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lai Ngọc H, ông Nguyễn Ngọc U, trình bày: Cha mẹ bà Lai Ngọc H là ông Lai Văn B (chết năm 1991) và bà Phan Thị A (chết năm 2018). Bà A, ông B có 05 người con gồm: Lai Ngọc H (chết năm 2009), Lai Ngọc O, Lai Ngọc H, Lai Bảo A, Lai Ngọc T. Ngày 31/01/2019, UBND huyện Cầu Kè ban hành quyết định số: 173/QĐ – UBND về việc hỗ trợ di dời nhà ở, đất ở, cây ăn trái, cây lấy gỗ, vật kiến trúc trên đất cho hộ bà Phan Thị A với tổng số tiền là 1.258.932.986đồng, cụ thể:

+ Bồi thường về đất: Thửa đất 127, diện tích 270m^2, tờ bản đồ số 10, tọa lạc Khóm 6, thị trấn C, huyện K, tỉnh Trà Vinh với số tiền 1.080.000.000đồng.

+ Bồi thường về nhà ở, vật kiến trúc 222,84m^2 với số tiền 164.719.040đồng.

+ Bồi thường về cây ăn trái, cây lấy gỗ với số tiền 745.000 đồng.

+ Hỗ trợ khác 13.468.946 đồng.

Và hỗ trợ cho hộ bà Phan Thị A 01 nền nhà tái định cư diện tích 92,8m^2, theo phương thức giao đất có thu tiền (không qua đấu giá), giá đất tính theo bảng giá đất quy định tại Quyết định số 15/QĐ – UBND ngày 31/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Bảng giá đất điều chỉnh 05 năm (2015 - 2019) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, vị trí 1, đường Nguyễn Văn Kế giáp ranh xã Hòa Ân là 1.100.000đồng (92,8m^2 x 1.100.000đồng/m^2 = 102.080.000đồng).

Phần thửa đất 127, diện tích 270m^2, trước đây tranh chấp với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Trà Vinh, ông Nguyễn Ngọc U (chồng bà Lai Ngọc H) đã bỏ công sức, tiền bạc trong việc khiếu nại, đòi quyền lợi cho gia đình. Năm 2017, 04 chị em bà Lai Ngọc H gồm: Lai Ngọc H, Lai Ngọc O, Lai Bảo A, Lai Ngọc T có làm văn bản thỏa thuận đồng ý chi phí dịch vụ 30% để ông Nguyễn Ngọc U đi khiếu nại, đòi quyền lợi cho gia đình đối với thửa đất 127.

Do các bên không thỏa thuận được với nhau về việc phân chia số tiền nhà nước hỗ trợ di dời nhà ở, đất ở, cây ăn trái, cây lấy gỗ và quyền ưu tiên mua nền nhà tái định cư nên bà Lai Ngọc H, ông Nguyễn Ngọc U khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Ông Nguyễn Ngọc U yêu cầu chi lại 30% của số tiền 1.080.000.000đồng (số tiền bồi thường thửa đất 127, diện tích 270m^2) cho ông H.

- Ông Nguyễn Ngọc U, bà Lai Ngọc H yêu cầu được hưởng số tiền bồi thường tài sản tại mục 2.1 (19.096.000 đồng), mục 2.2 (28.407.500 đồng), mục 2.3 (39.069.800 đồng) và tiền hỗ trợ di chuyển tại mục 4.2 (4.000.000đồng) theo Biên bản kê biên, áp giá bồi thường, hỗ trợ - tái định cư số 02/BBKK – HĐ ngày 11/5/2018 của Hội đồng hỗ trợ, di dời về nhà ở, đất ở vì phần này là tài sản riêng của ông H, bà H. Đối với số tiền còn lại tại mục 2.4 (67.430.840đồng), mục 2.5 (4.092.000 đồng), mục 2.6 (1.702.000 đồng), mục 2.7 (4.920.900 đồng), mục 3 (745.000 đồng), mục 4.1 (3.000.000 đồng), mục 4.3 (4.218.877 đồng), mục 4.4 (2.250.068 đồng) theo Biên bản kê biên, áp giá bồi thường, hỗ trợ - tái định cư số: 02/BBKK – HĐ ngày 11/5/2018) bà H yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Bà Lai Ngọc H yêu cầu được quyền ưu tiên mua nền nhà tái định cư diện tích 92,8m^2, thửa 383, tờ bản đồ số 5, loại đất ODT, tọa lạc Khóm 1, thị

trấn C, huyện K, tỉnh Trà Vinh theo phương thức giao đất có thu tiền (không qua đấu giá), giá đất tính theo bảng giá đất quy định tại Quyết định số 15/QĐ – UBND ngày 31/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Bảng giá đất điều chỉnh 05 năm (2015 -2019) trên đại bàn tỉnh Trà Vinh, vị trí 1, đường Nguyễn Văn Kế giáp ranh xã Hòa Ân là 1.100.000đồng (92,8m^2 x 1.100.000đồng/m^2 = 102.080.000đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà Lai Ngọc H, ông Nguyễn Ngọc U rút lại phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu chi lại 30% của số tiền 1.080.000.000đồng (số tiền bồi thường thửa đất 127, diện tích 270m^2) cho ông Nguyễn Ngọc U; và có ý kiến cho rằng số tiền bồi thường tài sản tại mục 2.2 (28.407.500 đồng), mục 2.3 (39.069.800 đồng) theo Biên bản kê biên, áp giá bồi thường, hỗ trợ - tái định cư số 02/BBKK – HĐ ngày 11/5/2018 là tài sản riêng của ông H, bà H, yêu cầu hưởng phần này; còn số tiền bồi thường tài sản tại mục 2.1 (19.096.000 đồng) theo Biên bản kê biên, áp giá bồi thường, hỗ trợ - tái định cư số 02/BBKK – HĐ ngày 11/5/2018 thừa nhận là tài sản riêng của vợ chồng ông Lê Chí U, bà Diệp Thùy T đồng ý giao cho vợ chồng ông U, bà T.

Ông Lê Văn Ư, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lai Ngọc O, Lai Bảo A, Lai Ngọc T trình bày: Thống nhất với lời trình bày của người đại diện của nguyên đơn về năm chết của ông B, bà T, về các người con của ông B, bà T. Thừa nhận số tiền 1.080.000.0000đồng (bồi thường thửa đất 127, diện tích 270m^2); số tiền bồi thường tài sản tại mục mục 2.4 (67.430.840đồng), mục 2.5 (4.092.000 đồng), mục 2.6 (1.702.000 đồng), mục 2.7 (4.920.900 đồng), mục 3 (745.000 đồng); số tiền hỗ trợ tại mục 4.1 (3.000.000 đồng), mục 4.3 (4.218.877 đồng), mục 4.4 (2.250.068 đồng) theo Biên bản kê biên, áp giá bồi thường, hỗ trợ - tái định cư số 02/BBKK – HĐ ngày 11/5/2018 là di sản của Bà A, ông B để lại, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật số tiền này. Thừa nhận số tiền bồi thường tài sản tại mục 2.2 (28.407.500 đồng), mục 2.3 (39.069.800 đồng) và tiền hỗ trợ di chuyển tại mục 4.2 (4.000.000đồng) theo Biên bản kê biên, áp giá bồi thường, hỗ trợ - tái định cư số 02/BBKK – HĐ ngày 11/5/2018 là tài sản của vợ chồng bà H, ông H đồng ý giao cho vợ chồng bà H, ông H số tiền này; số tiền bồi thường tài sản tại mục 2.1 (19.096.000 đồng) là của vợ chồng ông U, bà T, đồng ý giao cho vợ chồng ông U, bà T số tiền này. Đối với phần nền nhà tái định cư không đồng ý theo yêu cầu của bà H yêu cầu cho tất cả hàng thừa kế của Bà A, ông B được quyền ưu tiên mua. Tại phiên hôm nay, ông T yêu cầu cho ông Lai Ngọc T được quyền ưu tiên mua.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Chí U trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của người đại diện của nguyên đơn, bị đơn về năm chết

của Bà A, ông B, về những người con của Bà A, ông B. Mẹ của ông là bà Lai Ngọc H (chết năm 2009), cha là Lê Thái H (chết năm 2005). Cha mẹ ông có 03 người con gồm: Ông là Lê Chí U, Lê Bảo M, Lê Chí N. Ông thừa nhận số tiền 1.080.000.0000đồng (bồi thường thửa đất 127, diện tích 270m^2); số tiền bồi thường tài sản tại mục 2.4, 2.5, 2.6, 2.7, 3; số tiền hỗ trợ tại mục 4.1, 4.3, 4.4 theo Biên bản kê biên, áp giá bồi thường, hỗ trợ - tái định cư số 02/BBKK – HĐ ngày 11/5/2018 là di sản của Bà A, ông B để lại, ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật số tiền này. Đối với số tiền bồi thường tài sản tại mục 2.1 theo Biên bản kê biên, áp giá bồi thường, hỗ trợ - tái định cư số 02/BBKK – HĐ ngày 11/5/2018 là của vợ chồng ông, ông yêu cầu cho vợ chồng ông được hưởng. Còn số tiền bồi thường tài sản tại mục 2.2, 2.3 và tiền hỗ trợ di chuyển tại mục 4.2 theo Biên bản kê biên, áp giá bồi thường, hỗ trợ - tái định cư số: 02/BBKK – HĐ ngày 11/5/2018 là tài sản của bà H, ông H, ông đồng ý giao cho ông bà H, ông H được hưởng. Đối với phần nền nhà tái định cư không đồng ý theo yêu cầu của bà H mà yêu cầu cho tất cả hàng thừa kế của Bà A, ông B được quyền ưu tiên mua.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Chí N trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của người đại diện của nguyên đơn, bị đơn, ông Lê Chí U về năm chết của Bà A, ông B, về những người con của Bà A, ông B. Mẹ của ông là bà Lai Ngọc H (chết năm 2009), cha là Lê Thái H (chết năm 2005). Cha mẹ ông có 03 người con gồm: Ông là Lê Chí N, Lê Chí U, Lê Bảo M. Ông thừa nhận số tiền 1.080.000.0000đồng (bồi thường thửa đất 127, diện tích 270m^2); số tiền bồi thường tài sản tại mục 2.4, 2.5, 2.6, 2.7, 3; số tiền hỗ trợ tại mục 4.1, 4.3, 4.4 theo Biên bản kê biên, áp giá bồi thường, hỗ trợ - tái định cư số: 02/BBKK – HĐ ngày 11/5/2018 là di sản của Bà A, ông B để lại, ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật số tiền này. Ông thừa nhận số tiền bồi thường tài sản tại mục 2.2, 2.3 và tiền hỗ trợ di chuyển tại mục 4.2 theo Biên bản kê biên, áp giá bồi thường, hỗ trợ - tái định cư số 02/BBKK – HĐ ngày 11/5/2018 là tài sản của vợ chồng bà H, đồng ý giao cho vợ chồng bà H số tiền này; số tiền bồi thường tài sản tại mục 2.1 là của vợ chồng ông U, đồng ý giao cho vợ chồng ông U số tiền này. Đối với phần nền nhà tái định cư không đồng ý theo yêu cầu của bà H yêu cầu cho tất cả hàng thừa kế của Bà A, ông B được quyền ưu tiên mua.

Ông Lê Văn Ư là người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Bảo M (chị Lê Bảo M với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của người đại diện của nguyên đơn về năm chết của Bà A, ông B, về những người con của Bà A, ông B. Mẹ của chị Lê Bảo M là bà Lai Ngọc H (chết năm 2009), cha là Lê Thái H (chết năm 2006). Bà H, ông H có 03

người con gồm: Lê Chí N, Lê Chí U, Lê Bảo M. Ông thừa nhận số tiền 1.080.000.0000đồng (bồi thường thửa đất 127, diện tích 270m^2); số tiền bồi thường tài sản tại mục 2.4, 2.5, 2.6, 2.7, 3; số tiền hỗ trợ tại mục 4.1, 4.3, 4.4 theo Biên bản kê biên, áp giá bồi thường, hỗ trợ - tái định cư số 02/BBKK – HĐ ngày 11/5/2018 là di sản của Bà A, ông B để lại, ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật số tiền này. Ông thừa nhận số tiền bồi thường tài sản tại mục 2.2, 2.3 và tiền hỗ trợ di chuyển tại mục 4.2 theo Biên bản kê biên, áp giá bồi thường, hỗ trợ - tái định cư số 02/BBKK – HĐ ngày 11/5/2018 là tài sản của vợ chồng bà H, đồng ý giao cho vợ chồng bà H số tiền này; số tiền bồi thường tài sản tại mục 2.1 là của vợ chồng ông U, đồng ý giao cho vợ chồng ông U số tiền này. Đối với phần nền nhà tái định cư không đồng ý theo yêu cầu của bà H mà yêu cầu cho tất cả hàng thừa kế của Bà A, ông B được quyền ưu tiên mua. Tại phiên hôm nay, ông T yêu cầu cho ông Lai Ngọc T được quyền ưu tiên mua.

Ông Lê Văn Ư là người đại diện theo ủy quyền của anh Trương Văn N (anh Trương Văn N với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) trình bày: Mặc dù anh N có tên trong hộ khẩu hộ bà Phan Thị A nhưng số tiền tranh chấp không phải là của anh N nên anh N không có yêu cầu gì.

Ông Lê Văn Ư là người đại diện theo ủy quyền của anh Trương Văn N, chị Lê Bảo M (*anh Trương Văn N, chị Lê Bảo M với tư cách là người đại diện theo pháp luật của cháu Trương Vĩ K, Trương Thùy N) trình bày*: Mặc dù cháu Trương Vĩ K, Trương Thùy N có tên trong hộ khẩu hộ bà Phan Thị A nhưng số tiền tranh chấp không phải là của hai cháu, hai cháu cũng không thuộc hàng thừa kế nên không có yêu cầu gì.

Ông Lê Chí U là người đại diện theo ủy quyền của bà Diệp Thùy T, là người đại diện theo pháp luật của cháu Lê Thái H, Lê Thái P trình bày: Ông thống nhất như phần trình bày trên của ông. Đối với cháu Lê Thái H, Lê Thái P mặc dù hai cháu có tên trong hộ khẩu hộ bà Phan Thị A nhưng số tiền tranh chấp không phải là của hai cháu, hai cháu cũng không thuộc hàng thừa kế nên không có yêu cầu gì.

Ông Lâm Khắc S là người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Cao Kỳ D trình bày: Mặc dù chị Nguyễn Cao Kỳ D có tên trong hộ khẩu hộ bà Phan Thị A nhưng số tiền tranh chấp không phải là của chị D, Chị D cũng không thuộc hàng thừa kế nên không có yêu cầu gì.

Ông Lê Văn Ư là người đại diện theo ủy quyền của Tạ Thùy Nhã T, Tạ Hoàng H trình bày: Mặc dù chị Tạ Thùy Nhã T, anh Tạ Hoàng H có tên trong hộ khẩu hộ bà Phan Thị A nhưng số tiền tranh chấp không phải là của chị T, anh H; chị T, anh H cũng không thuộc hàng thừa kế nên không có yêu cầu gì.

Tại Công văn số: 161/UBND - NC ngày 16/6/2020 (Bút lục 67) Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè có ý kiến: Nội dung của quyết định số: 173/QĐ – UBND ngày 31/01/2019 của UBND huyện Cầu Kè không đề cập đến các thành viên trong hộ bà T được hưởng đều số tiền 1.258.932.986 đồng và cũng không đề cập đến ai là người được ưu tiên hỗ trợ nền nhà tái định cư, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 11/5/2020 (Bút lục), Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Cầu Kè trình bày: Trước đây, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Cầu Kè có tham gia Hội đồng hỗ trợ, di dời nhà ở, đất ở cho hộ bà Phan Thị A với tư cách là Phó chủ tịch Hội đồng. UBND huyện Cầu Kè giao dự toán cho Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Cầu Kè số tiền 1.258.932.986 đồng để chi trả cho hộ bà T. Số tiền này hiện nay được Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Cầu Kè gửi giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện Cầu Kè theo số tài khoản 9552.3.7742137. Nay, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Cầu Kè không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 11/5/2020, Hội đồng hỗ trợ, di dời nhà ở, đất ở cho hộ bà Phan Thị A trình bày: Trước đây, Hội đồng hỗ trợ, di dời nhà ở, đất ở cho hộ bà Phan Thị A có tham gia việc hỗ trợ, di dời. Nay, Hội đồng hỗ trợ, di dời không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Vị Kiểm sát viên cho rằng, số tiền bồi thường về đất ở 1.080.000.0000đồng và số tiền bồi thường tại các mục 2.4, mục 2.5, mục 2.6, mục 2.7, mục 3; số tiền hỗ trợ tại mục 4.1, mục 4.3, mục 4.4 theo Biên bản kê biên, áp giá bồi thường, hỗ trợ - tái định cư số: 02/BBKK – HĐ, tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự đều thừa nhận là di sản của Bà A, ông B để lại, thống nhất yêu cầu chia đều cho những người con của Bà A, ông B gồm: Bà Lai Ngọc H, bà Lai Ngọc O, bà Lai Ngọc H, ông Lai Bảo A, ông Lai Ngọc T; số tiền bồi thường tại mục 2.2, mục 2.3 và tiền hỗ trợ di chuyển tại mục 4.2 theo Biên bản

kê biên, áp giá bồi thường, hỗ trợ - tái định cư số 02/BBKK – HĐ, các bên đương sự đều thừa nhận là của bà H, ông H, đồng ý giao cho bà H, ông H; số tiền bồi thường tại mục 2.1 theo Biên bản kê biên, áp giá bồi thường, hỗ trợ - tái định cư số 02/BBKK – HĐ, các bên đương sự đều thừa nhận là của ông U, bà T, đồng ý giao cho ông U, bà T; đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thừa nhận và phân chia này. Đối với 01 nền nhà tái định cư thuộc thửa 383, tờ bản đồ số 5, diện tích 92,8m^2, tọa lạc Khóm 1, thị trấn C, huyện K, tỉnh Trà Vinh, vị Kiểm sát viên cho rằng bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bà T lúc bị bệnh, lo chi phí làm hữu sự cùng với việc thờ cúng cho bà T và hiện nay bà H không còn chỗ ở nào khác, đề nghị Hội đồng xét xử ưu tiên cho bà H mua nền nhà tái định cư này. Đối với phần yêu cầu của ông H yêu cầu chi lại 30% của số tiền 1.080.000.000đồng (số tiền bồi thường thửa đất 127, diện tích 270m^2), vị Kiểm sát viên cho rằng, trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay ông H rút lại phần yêu cầu này, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết. Ngoài ra, vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "*Tranh chấp chia di sản thừa kế; chi phí dịch vụ liên quan đến số tiền bồi thường về đất của hộ bà Phan Thị A; tranh chấp giá trị tài sản được bồi thường và chi phí hỗ trợ di dời nhà ở và yêu cầu ưu tiên mua nền nhà tái định cư*". Tuy nhiên căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy *"Yêu cầu chia di sản thừa kế"* của nguyên đơn đã bao trùm luôn yêu cầu về " *tranh chấp giá trị tài sản được bồi thường và chi phí hỗ trợ di dời nhà ở"* nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp chia di sản thừa kế; chi phí dịch vụ liên quan đến số tiền bồi thường về đất của hộ bà Phan Thị A và tranh chấp yêu cầu ưu tiên mua nền nhà tái định cư"*.

[2] Về thời hiệu khởi kiện chia thừa kế: Ông Lai Văn B chết năm 1991, bà Phan Thị A chết năm 2018, không có để lại di chức. Theo quy định tại Điều 688, Điều 623 Bộ Luật dân sự 2015 thì thời hiệu yêu cầu chia thừa kế đối với bất động sản là 30 năm, ngày 17/4/2019 nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu chia

thừa kế di sản của ông B, bà T nên thời hiệu yêu cầu chia thừa kế di sản của ông B, bà T vẫn còn.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H có đơn rút lại phần yêu cầu chi lại 30% của số tiền 1.080.000.000đồng (số tiền bồi thường thửa đất 127, diện tích 270m^2) cho ông H, Hội đồng xét xử xét thấy đây là quyền của đương sự, sự rút lại phần yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện nên đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu này.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Lai Văn B và bà Phan Thị A có 05 người con gồm: Bà Lai Ngọc H, bà Lai Ngọc O, bà Lai Ngọc H, ông Lai Bảo A, ông Lai Ngọc T. Lúc còn sống Bà A, ông B có thửa đất 127, diện tích 270m^2, tờ bản đồ số 10, tọa lạc khóm 6, thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè do ông B kê khai đăng ký vào năm 1991 (*thuộc một phần thửa 59*); trước khi chết Bà A, ông B không có để lại di chúc. Ngày 31 tháng 01 năm 2019, UBND huyện Cầu Kè ban hành Quyết định số: 173/QĐ – UBND về việc hỗ trợ di dời nhà ở, đất ở cho hộ bà Phan Thị A số tiền 1.258.932.986đồng *(trong đó: bồi thường về đất ở số tiền 1.080.000.0000đồng, bồi thường về nhà ở, vật kiến trúc số tiền 164.719.040 đồng, bồi thường về cây ăn trái, cây lấy gỗ số tiền 745.000đồng, hỗ trợ khác số tiền 13.468.946 đồng)* và hỗ trợ 01 nền nhà tái định cư thuộc thửa 383, tờ bản đồ số 5, diện tích 92,8m^2, tọa lạc Khóm 1, thị trấn C, huyện K, tỉnh Trà Vinh theo phương thức giao đất có thu tiền với giá là 1.100.000đồng/m^2. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông Lâm Khắc S (*đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn*), ông Lê Văn Ư (*đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn*) ông Lê Chí U, ông Lê Chí N thừa nhận và thống nhất như sau:

Số tiền 1.080.000.0000đồng (*bồi thường thửa đất 127, diện tích 270m^2*); số tiền bồi thường tài sản tại mục 2.4 (*67.430.840đồng*), mục 2.5 (*4.092.000 đồng*), mục 2.6 (*1.702.000 đồng*), mục 2.7 (*4.920.900 đồng)*, mục 3 (*745.000 đồng)*; số tiền hỗ trợ tại mục 4.1 (3.000.000 đồng), mục 4.3 (4.218.877 đồng), mục 4.4 *(2.250.068 đồng)* theo Biên bản kê biên, áp giá bồi thường, hỗ trợ - tái định cư số 02/BBKK – HĐ ngày 11/5/2018 là di sản của Bà A, ông B để lại, thống nhất chia đều cho các người con của Bà A, ông B gồm: Bà Lai Ngọc H, bà Lai Ngọc O, bà Lai Ngọc H, ông Lai Bảo A, ông Lai Ngọc T mỗi người một

phần bằng nhau.

Thừa nhận số tiền bồi thường tài sản tại mục 2.1 *(19.096.000 đồng)* theo Biên bản kê biên, áp giá bồi thường, hỗ trợ - tái định cư số 02/BBKK – HĐ ngày 11/5/2018 là của vợ chồng ông U, bà T đồng ý giao cho vợ chồng ông U, bà T được hưởng.

Thừa nhận số tiền bồi thường tài sản tại mục 2.2 *(28.407.500 đồng)*, mục 2.3 *(39.069.800 đồng)* và tiền hỗ trợ di chuyển tại mục 4.2 *(4.000.000 đồng)* theo Biên bản kê biên, áp giá bồi thường, hỗ trợ - tái định cư số 02/BBKK – HĐ ngày 11/5/2018 là tài sản của vợ chồng bà H, ông H, đồng ý giao cho vợ chồng bà H, ông H được hưởng.

Hội đồng xét xử xét thấy sự thừa nhận và thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, theo sự thỏa thuận của các bên đương sự, giá trị phần di sản của ông B, bà T để lại là 1.168.359.685 đồng, chia cho bà Lai Ngọc H, bà Lai Ngọc O, bà Lai Ngọc H, ông Lai Bảo A, ông Lai Ngọc T mỗi người được hưởng số tiền là 233.671.937. Đối với phần của bà H được hưởng, bà H có 03 người con gồm Lê Chí U, Lê Chí N, Lê Bảo M, tại phiên tòa hôm nay ông Nhựt, ông U, ông T (đại diện cho bà M) yêu cầu được hưởng phần di sản mà bà H được hưởng nên phần của bà H được hưởng chia đều cho ông Nhựt, ông U, bà M mỗi được hưởng số tiền là 77.890.645 đồng. Đối với số tiền bồi thường tài sản tại mục 2.2 là 28.407.500 đồng, tại mục 2.3 là 39.069.800 đồng và tiền hỗ trợ di chuyển tại mục 4.2 là 4.000.000 đồng theo Biên bản kê biên, áp giá bồi thường, hỗ trợ - tái định cư số: 02/BBKK – HĐ ngày 11/5/2018, tổng cộng là 71.477.300 đồng giao cho bà H, ông H được hưởng số tiền này. Đối với số tiền bồi thường tài sản tại mục 2.1 là 19.096.000 đồng theo Biên bản kê biên, áp giá bồi thường, hỗ trợ - tái định cư số 02/BBKK – HĐ ngày 11/5/2018 giao cho ông U, bà T được hưởng số tiền này.

[6] Đối với 01 nền nhà tái định cư thuộc thửa 383, tờ bản đồ số 5, diện tích 92,8m^2, tọa lạc Khóm 1, thị trấn C, huyện K, tỉnh Trà Vinh, nguyên đơn bà H yêu cầu được ưu tiên mua, còn phía bị đơn bà Lai Ngọc O, ông Lai Ngọc T, ông Lai Bảo A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Chí N, ông Lê Chí U, bà Lê Bảo M yêu cầu để cho những người thừa kế của Bà A, ông B cùng đứng tên mua. Tại phiên tòa hôm nay, ông T yêu cầu cho ông Lai Ngọc T được ưu tiên mua. Hội đồng xét xử xét thấy, phần nền nhà tái định cư này là Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè hỗ trợ cho hộ bà T theo phương thức có thu tiền với giá 1.100.000đồng/m^2, đây không phải là di sản thừa kế của Bà A, ông B. Trong hộ khẩu của bà T mặc dù có ghi tên những người con, cháu của bà T nhưng trên thực tế chỉ có bà H, ông H cùng sống chung với bà T (*ông H, bà H sống chung*

vớ bà T từ năm 2008 đến khi bà T chết), các người con, cháu khác của bà T không có sống chung trong hộ. Do đó, xét về thành phần người trong hộ, khi bà T chết thì bà H là người còn lại thực tế sống trong hộ nên việc Ủy ban nhân huyện Cầu Kè hỗ trợ nền nhà tái định cư cho hộ thì bà H được quyền ưu tiên mua là phù hợp. Hơn nữa, qua xác minh những người dân ở địa phương cho thấy từ năm 2008 đến khi bà T chết (năm 2018) thì bà H, ông H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bà T (Bút lục 110 – 113, 116 -117); do đó xét về công sức nuôi dưỡng, chăm sóc bà T thì bà H có nhiều công sức hơn những người con, cháu khác nên việc ưu tiên cho bà H mua nền nhà tái định cư là hợp tình, hợp lý. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà H, cho bà H được quyền ưu tiên mua nền nhà tái định cư này.

[7] Đối với yêu cầu định giá nền nhà tái định cư thuộc thửa 383, tờ bản đồ số 5, diện tích 92,8m^2, tọa lạc Khóm 1, thị trấn C, huyện K, tỉnh Trà Vinh của ông Lê Văn Ư (*người đại diện cho phía bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn*), Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì giá của thửa đất 383 được tính theo Bảng giá đất quy định tại Quyết định số: 15/QĐ – UBND ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh là 1.100.000 đồng/m^2. Hơn nữa như phân tích ở phần trên [6], thửa đất 383 không phải là di sản thừa kế của Bà A, ông B để lại; thực tế trong hộ bà T chỉ có bà H sống cùng với bà T, bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bà T lúc về già, khi bà T chết thì bà H là người còn lại duy nhất trong hộ nên được ưu tiên mua nền nhà tái định cư là hợp tình, hợp lý. Do đó, việc định giá thửa đất trên theo yêu cầu của ông T là không cần thiết.

[8] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 652 và Điều 688 Bộ Luật dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm c, khoản 2, Điều 83 và Điều 114 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lai Ngọc H, ông Nguyễn Ngọc U.

Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự thừa nhận số tiền 1.168.359.685 đồng (*trong đó: bồi thường thửa đất 127 là 1.080.000.0000đồng; số tiền bồi thường tài sản tại mục 2.4 là 67.430.840đồng, mục 2.5 là 4.092.000 đồng, mục 2.6 là 1.702.000 đồng, mục 2.7 là 4.920.900 đồng, mục* 3 *là 745.000 đồng; số tiền hỗ trợ tại mục 4.1 là 3.000.000 đồng, mục 4.3 là 4.218.877 đồng, mục 4.4 là 2.250.068 đồng, theo Biên bản kê biên, áp giá bồi thường, hỗ trợ - tái định cư số 02/BBKK – HĐ ngày 11/5/2018*) là di sản của ông B, bà T và đồng ý chia cho bà Lai Ngọc H, bà Lai Ngọc O, bà Lai Ngọc H, ông Lai Bảo A, ông Lai Ngọc T mỗi người được hưởng số tiền là 233.671.937đồng. Đối với phần của bà H được hưởng số tiền 233.671.937đồng chia cho 03 người con của bà H gồm Lê Chí U, Lê Chí N, Lê Bảo M mỗi được hưởng số tiền là 77.890.645 đồng. (*Số tiền các đương sự được hưởng này nằm trong tổng số tiền 1.258.932.986 đồng, được gửi giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện Cầu Kè theo số tài khoản 9552.3.7742137*)

Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự thừa nhận số tiền 19.096.000đồng (*số tiền bồi thường tài sản tại mục 2.1 theo Biên bản kê biên, áp giá bồi thường, hỗ trợ - tái định cư số 02/BBKK – HĐ ngày 11/5/2018*) là của ông Lê Chí U, bà Diệp Thùy T và đồng ý giao số tiền này cho ông U, bà T được hưởng. (*Số tiền các đương sự được hưởng này nằm trong tổng số tiền 1.258.932.986 đồng, được gửi giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện Cầu Kè theo số tài khoản 9552.3.7742137*)

Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự thừa nhận số tiền 71.477.300 đồng (*trong đó : số tiền bồi thường tài sản tại mục 2.2 là 28.407.500 đồng, tại mục 2.3 là 39.069.800 đồng và tiền hỗ trợ di chuyển tại mục 4.2 là 4.000.000 đồng theo Biên bản kê biên, áp giá bồi thường, hỗ trợ - tái định cư số 02/BBKK – HĐ ngày 11/5/2018*) là của bà Lai Ngọc H, ông Nguyễn Ngọc U và đồng ý giao số tiền này cho bà H, ông H được hưởng. (*Số tiền các đương sự được hưởng này nằm trong tổng số tiền 1.258.932.986 đồng, được gửi giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện Cầu Kè theo số tài khoản 9552.3.7742137*)

Bà Lai Ngọc H được quyền ưu tiên mua nền nhà tái định cư diện tích 92,8m^2, thửa 383, tờ bản đồ số 5, loại đất ODT, tọa lạc Khóm 1, thị trấn C, huyện K, tỉnh Trà Vinh theo quyết định số: 173/QĐ – UBND ngày 31/01/2019

của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè về việc hỗ trợ di dời nhà ở, đất ở cho hộ bà Phan Thị A ngụ Khóm 6, thị trấn C, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

Đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc U yêu cầu chi lại 30% của số tiền 1.080.000.000đồng (số tiền bồi thường thửa đất 127, diện tích 270m^2).

Các đương sự được quyền đến Kho bạc Nhà nước huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh nhận số tiền trên theo quyết định của Bản án này.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lai Ngọc O, ông Lai Bảo A, ông Lai Ngọc T mỗi người phải chịu 11.683.596 đồng.

Buộc ông Lê Chí U, ông Lê Chí N, bà Lê Bảo M mỗi người phải chịu 3.894.532 đồng.

Buộc bà Lai Ngọc H phải chịu số tiền 11.683.596 đồng nhưng được trừ vào số tiền 1.597.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003034 và số tiền 2.501.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003035 cùng ngày 17/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, số tiền còn lại 4.585.596 đồng bà H phải nộp tiếp.

Ông Nguyễn Ngọc U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông H số tiền tạm ứng án phí 8.100.000 đồng theo biên lại số 0003036 ngày 17/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Hùng